TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2019/DS-ST
Ngày: 28-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Bà Phạm Thị Lan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ: Lầu 8, 266 - 268 đường K, Phường A, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức danh; Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, năm sinh 1970 (xin vắng mặt).

(Theo giấy ủy quyền số 124/2019/UQ-TTT ngày 02/01/2019).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh N, năm sinh 1975; Địa chỉ: Số 326 đường T, Phường G, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Lã Ngọc M là người đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 22/02/2013, bà Nguyễn Thị Ánh N ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng S) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 155.410.843 đồng và trong quá trình sử dụng thẻ, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 175.576.717 đồng rồi ngưng. Ngân hàng S đã đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 28/5/2019 là 14.573.749 đồng, trong đó: nợ gốc 7.103.595 đồng, nợ lãi quá hạn 7.470.154 đồng. Ngoài ra, bà N còn phải trả khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng do hai bên ký kết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh N vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N.

Tại phiên tòa, ông Lã Ngọc M - người đại diện hợp pháp của Ngân hàng S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh N trả tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tính đến ngày 28/5/2019 là 14.573.749 đồng, trong đó: nợ gốc 7.103.595 đồng, nợ lãi quá hạn 7.470.154 đồng. Ngoài ra, bà N còn phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án xét xử đến khi trả hết tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/02/2013 thì bà N được Ngân hàng S phê duyệt cho vay số tiền 50.000.000 đồng. Tính đến ngày 23/10/2016, bà N còn thiếu số tiền nợ gốc

7.103.595 đồng và tiền lãi từ ngày 23/10/2016 đến ngày 28/5/2019 là 7.470.154 đồng, tổng tiền gốc và lãi là 14.573.749 đồng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền nợ gốc và tiền lãi còn thiếu 14.573.749 đồng là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh N trả số tiền đã vay còn nợ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Xét bà Nguyễn Thị Ánh N hiện cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng S khởi kiện bà N tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh N đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh N vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Như vậy, bà Nguyễn Thị Ánh N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật này. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bà N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét Ngân hàng S yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh N trả tiền nợ gốc còn thiếu. Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/02/2013 thì giữa bà N và Ngân hàng S đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thanh toán tự động trừ thẻ tín dụng, theo đó bà N được Ngân hàng S phê duyệt hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, tính đến ngày 23/10/2016, bà N còn thiếu số tiền nợ gốc 7.103.595 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xác định bà N còn nợ Ngân hàng S số tiền nợ gốc 7.103.595 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S thì tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo mức lãi suất mà Ngân hàng S áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Cụ thể tại thời điểm bà N ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S thì mức lãi suất là 2,15%/tháng theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng S và thông báo chuyển nợ quá hạn nên bà N phải chịu tiền lãi quá hạn kể từ khi vi phạm. Theo bảng tóm tắt sao kê tính đến ngày 28/5/2019 thì tiền lãi mà bà N phải chịu trên số tiền nợ gốc còn thiếu là 7.470.154 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S buộc bà N trả tiền nợ gốc 7.103.595 đồng và tiền lãi 7.470.154 đồng, tổng tiền gốc và lãi 14.573.749 đồng. Ngoài ra, bà N còn phải trả khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng do hai bên ký ngày 22/02/2013.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu án phí sơ thẩm trên yêu cầu Ngân hàng S được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc còn thiếu 7.103.595 (Bảy triệu một trăm lẻ ba nghìn năm trăm chín mươi lăm) đồng và tiền lãi 7.470.154 (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn một trăm

năm mươi bốn) đồng. Tổng tiền gốc và tiền lãi 14.573.749 (Mười bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi chín) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Ánh N còn phải trả khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày 29/5/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng do hai bên ký kết ngày 22/02/2013.

Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 728.688 (Bảy trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi tám) đồng.

2.2 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được hoàn lại số tiền 302.874 (Ba trăm lẻ hai nghìn tám trăm bảy mươi bốn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008929 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

3.1 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Ánh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

3.2 Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tuấn Nhu